

Số: 88/BC-HĐND

Đắk Nông, ngày 04 tháng 11 năm 2022

## **BÁO CÁO**

### **Kết quả giám sát việc chấp hành chính sách, pháp luật của các Quỹ tài chính ngoài ngân sách trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2015-2020**

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo Luật định và Chương trình công tác năm 2022, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đã thực hiện giám sát việc chấp hành chính sách, pháp luật của các Quỹ tài chính ngoài ngân sách trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2015-2020. Trên cơ sở báo cáo của UBND tỉnh và làm việc trực tiếp với Lãnh đạo các Quỹ, lãnh đạo các Sở, Ban, ngành có liên quan, Đoàn giám sát Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh báo cáo kết quả như sau:

#### **A. VỀ VIỆC TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH GIÁM SÁT**

Ngày 15/4/2022, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đã ban hành Quyết định số 05/QĐ-HĐND kèm theo kế hoạch và đề cương hướng dẫn UBND tỉnh tổng hợp, báo cáo việc chấp hành chính sách, pháp luật của các Quỹ tài chính ngoài ngân sách trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2015-2020, gửi trước ngày 01/5/2022. Đến ngày 23/5/2022, UBND tỉnh có Báo cáo số 264/BC-UBND về việc chấp hành chính sách, pháp luật của các Quỹ tài chính ngoài ngân sách trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2015-2020. Tuy nhiên, báo cáo chủ yếu mang tính chất liệt kê cơ sở pháp lý và tình hình hoạt động của các Quỹ mà chưa đánh giá kỹ về việc chấp hành chính sách, pháp luật theo các quy định, cũng chưa nêu ra được những ưu điểm cần phát huy và các khó khăn, vướng mắc cần kiến nghị sửa đổi, bổ sung và còn thiếu một số nội dung theo đề cương hướng dẫn.

Do đó, Đoàn giám sát đã có Công văn số 90/HĐND-KTNS ngày 23/5/2022 đề nghị UBND tỉnh bổ sung báo cáo đầy đủ các nội dung theo Đề cương giám sát đã hướng dẫn. Đến ngày 08/6/2022, UBND tỉnh có Báo cáo số 314/BC-UBND bổ sung thêm một số nội dung theo đề nghị của Đoàn giám sát, tuy nhiên cơ bản vẫn còn đánh giá chung, chưa đúng trọng tâm và chưa nêu rõ được các ưu điểm, hạn chế và đề xuất, kiến nghị cụ thể. Vì vậy, Đoàn giám sát đã tổ chức làm việc trực tiếp với Lãnh đạo các Quỹ và một số Sở, Ban, ngành có liên quan để tổng hợp, hoàn thiện báo cáo kết quả giám sát. Ngoài ra, trong quá trình giám sát do phát sinh 04 kỳ họp chuyên đề HĐND tỉnh vào các tháng 5, 6, 8 và chuẩn bị cho kỳ họp HĐND thứ 4 khóa IV vào tháng 7 nên đã ảnh hưởng nhiều đến tiến độ thực hiện theo kế hoạch.

Qua rà soát báo cáo của UBND tỉnh còn thiếu một số Quỹ được thành lập trong giai đoạn 2015-2020<sup>1</sup> và một số Quỹ đã giải thể hoặc ủy thác hoàn toàn

<sup>1</sup> Như: - Quỹ bảo trì đường bộ tỉnh được thành lập từ năm 2013 và giải thể tại Quyết định số 1273/QĐ-UBND ngày 25/8/2020 của UBND tỉnh;

- Quỹ xây dựng Tượng đài N'Trang Lơng và phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc 1912-1936 được thành lập năm 2010 và giải thể tại Quyết định số 1209/QĐ-UBND ngày 23/7/2019 của UBND tỉnh;

- Một số Quỹ xã hội khác như: Quỹ Mái ấm công đoàn, Quỹ Vì đoàn viên công đoàn nghèo,... chưa được theo dõi, tổng hợp, báo cáo.

qua Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh trước năm 2015<sup>2</sup> nên không thuộc đối tượng giám sát<sup>3</sup>.

## **B. VỀ KẾT QUẢ GIÁM SÁT**

### **I. Về sự cần thiết và việc thành lập các Quỹ tài chính ngoài ngân sách nhà nước giai đoạn 2015-2020**

#### **1. Ưu điểm:**

Theo báo cáo của UBND tỉnh trên địa bàn có 18 quỹ được cấp có thẩm quyền quyết định thành lập với quy mô, tính chất và phạm vi hoạt động phù hợp với các quy định hiện hành và theo yêu cầu cấp thiết của địa phương; trong đó:

- 12 quỹ được thành lập, quản lý, tổ chức hoạt động theo hướng dẫn của Trung ương, bao gồm: Quỹ Đầu tư phát triển; Quỹ Bảo vệ môi trường và Phát triển đất; Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng; Quỹ Đền ơn đáp nghĩa; Quỹ Việc làm dành cho người tàn tật; Quỹ Vì người nghèo; Quỹ Phòng chống thiên tai; Quỹ Khuyến học; Quỹ Hỗ trợ nông dân; Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã; Quỹ Khám chữa bệnh cho người nghèo; Quỹ Cho vay xóa đói giảm nghèo;

- 06 quỹ được thành lập căn cứ đặc thù, tình hình của địa phương, bao gồm: Quỹ cơ hội cho phụ nữ làm kinh tế; Quỹ Quay vòng vốn vệ sinh hộ gia đình; Quỹ Hỗ trợ thanh niên khởi nghiệp; Quỹ Cứu trợ; Quỹ Bảo trợ trẻ em; Quỹ Phát triển tài năng trẻ.

Qua giám sát việc thành lập các Quỹ tài chính ngoài ngân sách trong giai đoạn 2015-2020 trên địa bàn tỉnh cơ bản tuân thủ theo các quy định của Trung ương và phù hợp với tình hình thực tế của địa phương. Một số Quỹ mang tính chất xã hội, từ thiện được UBND tỉnh xem xét, quyết định thành lập đảm bảo theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định số 30/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ<sup>4</sup> và các quy định pháp luật khác có liên quan. Đồng thời, đã ban hành các quy chế, điều lệ hoạt động để quy định cơ chế tổ chức bộ máy, phạm vi, đối tượng và các mục tiêu hoạt động cụ thể trên địa bàn.

#### **2. Tồn tại, hạn chế**

Một số Quỹ thành lập và đang hoạt động nhưng thiếu tính pháp lý, như:

- Quỹ việc làm dành riêng cho người tàn tật tỉnh được thành lập trên cơ sở

<sup>2</sup> Theo Quyết định số 1675/QĐ-UBND ngày 05/11/2014 của UBND tỉnh.

<sup>3</sup> như: Quỹ cho vay xóa đói giảm nghèo, Quỹ cho vay giải quyết việc làm và nguồn vốn cho vay xuất khẩu lao động đã ủy thác cho Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh thực hiện cho vay các đối tượng chính sách theo quy định tại các Nghị định, Thông tư và Nghị quyết của HĐND tỉnh.

<sup>4</sup> Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền:

a) Cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ; cho phép hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, giải thể, đổi tên; đình chỉ, tạm đình chỉ hoạt động; cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị tạm đình chỉ; công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động; công nhận thành viên Hội đồng quản lý quỹ; cho phép thay đổi hoặc cấp lại giấy phép thành lập; thu hồi giấy phép thành lập; giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với quỹ có phạm vi hoạt động trong tỉnh;

b) Quỹ có tổ chức, cá nhân nước ngoài góp tài sản để thành lập, hoạt động trong phạm vi huyện, xã;

c) Căn cứ điều kiện cụ thể, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thể ủy quyền cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ; cho phép hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, giải thể, đổi tên; đình chỉ, tạm đình chỉ hoạt động; cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị tạm đình chỉ; công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động; công nhận thành viên Hội đồng quản lý quỹ; cho phép thay đổi hoặc cấp lại giấy phép thành lập; thu hồi giấy phép thành lập; giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với quỹ có phạm vi hoạt động trong huyện, xã; trừ trường hợp quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều này.

quy định tại Điều 5 Nghị định số 81/CP ngày 23/11/1995 của Chính phủ<sup>5</sup> nhưng đã hết hiệu lực từ ngày 03/01/2020 và không có Nghị định mới thay thế. Tuy nhiên, đến nay vẫn còn hoạt động là không phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành.

- Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã được thành lập tại Quyết định số 514/QĐ-UBND ngày 08/4/2014 của UBND tỉnh trên cơ sở căn cứ Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ và Quyết định số 246/2006/QĐ-TTg ngày 27/10/2006 của Thủ tướng Chính phủ. Tuy nhiên, sau khi rà soát các quy định trên không đề cập đến việc thành lập Quỹ Hỗ trợ phát triển Hợp tác xã ở các địa phương mà chỉ quy định việc thành lập Quỹ ở Trung ương trực thuộc Liên minh Hợp tác xã Việt Nam. Do đó, việc thành lập Quỹ ở địa phương là tùy thuộc vào tình hình thực tế tại địa phương.

- Quỹ Phát triển đất tỉnh được thành lập trên cơ sở quy định tại Quyết định số 40/2010/QĐ-TTg ngày 12/5/2010 của Thủ tướng Chính phủ quy định ban hành quy chế mẫu về quản lý, sử dụng Quỹ phát triển đất; tuy nhiên, các căn cứ để ban hành đã hết hiệu lực hoặc đã sửa đổi, thay thế nhưng đến nay Quyết định số 40/2010/QĐ-TTg chưa được sửa đổi, bổ sung, thay thế kịp thời<sup>6</sup>.

d. Quỹ Bảo trợ trẻ em tỉnh theo UBND tỉnh báo cáo đây là Quỹ thành lập căn cứ đặc thù, tình hình của địa phương. Tuy nhiên, qua rà soát việc thành lập Quỹ Bảo trợ trẻ em ở các địa phương được quy định cụ thể tại Điều 39 Luật bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em và khoản 1 Mục I Thông tư số 87/2008/TT-BTC ngày 08/10/2008 của Bộ Tài chính<sup>7</sup>.

e. Quỹ Bảo vệ môi trường theo UBND tỉnh báo cáo đây là Quỹ được thành lập theo quy định của Trung ương. Tuy nhiên, căn cứ quy định tại điểm a khoản 2 Điều 7 Quyết định số 18/2013/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ<sup>8</sup> và khoản 2 Điều 3 Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ<sup>9</sup> không yêu cầu nhất thiết phải thành lập Quỹ. Do đó, việc thành lập Quỹ Bảo vệ môi trường ở địa phương là tùy thuộc vào tình hình thực tế tại địa phương.

g. Quỹ Phát triển đất được thành lập và sau đó sáp nhập vào Quỹ Bảo vệ môi trường với mục đích theo UBND tỉnh báo cáo nhằm tinh giản bộ máy quản lý. Tuy nhiên, qua rà soát việc sáp nhập trên không phù hợp vì mỗi Quỹ có 1

<sup>5</sup> Tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương lập quỹ việc làm cho người tàn tật để trợ giúp người tàn tật phục hồi chức năng lao động và tạo việc làm.

<sup>6</sup> cụ thể: + Luật Ngân sách nhà nước năm 2002 đã thay thế bằng Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;

+ Luật Đất đai năm 2003 đã thay thế bằng Luật Đất đai năm 2013;

+ Nghị định số 69/2009/NĐ-CP đã hết hiệu lực từ ngày 01/7/2014.

<sup>7</sup> Quỹ Bảo trợ trẻ em là đơn vị sự nghiệp công lập; được thành lập ở cấp tỉnh và cấp Trung ương; do Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quản lý (đối với Quỹ Bảo trợ trẻ em Việt Nam) và do Sở Lao động – Thương binh và Xã hội quản lý (đối với Quỹ Bảo trợ trẻ em tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương) theo quy định tại Nghị định số 186/2007/NĐ-CP ngày 25/12/2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội và Nghị định số 13/2008/NĐ-CP ngày 04/2/2008 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

<sup>8</sup> Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản phải thực hiện ký quỹ tại Quỹ bảo vệ môi trường. Trong trường hợp địa phương nơi có hoạt động khai thác khoáng sản chưa có Quỹ bảo vệ môi trường thì tổ chức, cá nhân phải ký quỹ tại Quỹ bảo vệ môi trường Việt Nam.

<sup>9</sup> Ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường là việc tổ chức, cá nhân gửi một khoản tiền vào Quỹ bảo vệ môi trường Việt Nam hoặc quỹ bảo vệ môi trường địa phương (gọi tắt là quỹ bảo vệ môi trường) để bảo đảm trách nhiệm cải tạo, phục hồi môi trường của tổ chức, cá nhân đối với hoạt động khai thác khoáng sản.

tính chất khác nhau, được quy định nhiều văn bản pháp luật khác nhau và có nguồn thu, nhiệm vụ chi khác nhau. Do đó, khi sáp nhập 02 Quỹ vào sẽ dễ dẫn đến việc chi sai nguồn và không có cơ sở phân bổ, quyết toán kinh phí quản lý cho từng Quỹ.

## **II. Về công tác quản lý, sử dụng, hoạt động và tình hình tài chính của các Quỹ tài chính ngoài ngân sách nhà nước giai đoạn 2015-2020**

### **1. Ưu điểm**

a. Nhìn chung các Quỹ hoạt động với quy mô, tính chất và phạm vi hoạt động đa dạng, nhiều lĩnh vực, nhiều hình thức tổ chức bộ máy khác nhau nhưng cơ bản phù hợp với các quy định hiện hành và tình hình thực tế tại địa phương; cơ bản bảo toàn được nguồn vốn do NSNN cấp; đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật về mục tiêu, phạm vi và các lĩnh vực hoạt động; đã và đang góp phần tích cực trong việc huy động và tập trung các nguồn lực của xã hội; giảm bớt gánh nặng cho NSNN và cùng với NSNN giải quyết tốt hơn một số nhiệm vụ phục vụ phát triển kinh tế và bảo đảm an sinh xã hội tại địa phương. Cụ thể tổng số nguồn vốn các Quỹ đầu năm 2015 chỉ là 161 tỷ đồng và đến cuối năm 2020 là 575 tỷ đồng (bao gồm cả nguồn vốn ủy thác cho Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh), tăng 414 tỷ đồng (trong đó do ngân sách bổ sung là 292 tỷ đồng, chi tiết phụ lục đính kèm).

b. Một số quỹ đã huy động thêm nguồn lực ngoài ngân sách để hỗ trợ cho các đối tượng chính sách (như hộ nghèo, cận nghèo, tái nghèo; các trường học bị mắc bệnh hiểm nghèo, trẻ em....). Cụ thể trong giai đoạn 2015-2020 các Quỹ này đã huy động được là 36.637 triệu đồng<sup>10</sup>.

c. Một số quỹ đã góp phần thúc đẩy xã hội hóa, hỗ trợ cùng NSNN đáp ứng kịp thời nhu cầu chi đột xuất như chi khắc phục thiên tai bão lụt, hạn hán, an sinh xã hội,... Cụ thể trong giai đoạn 2015-2020 các Quỹ này đã chi hỗ trợ là 71.034 triệu đồng<sup>11</sup>.

d. Một số quỹ có tính chất ưu đãi đầu tư, hỗ trợ nguồn tài chính cho các đối tượng chính sách, cơ sở sản xuất công nông lâm nghiệp, các công trình, dự án đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội của địa phương và bổ sung nguồn vốn hoạt động sản xuất, kinh doanh cho người dân, cũng như phát triển các hợp tác xã, cơ sở tiểu thủ công nghiệp. Đồng thời, nguồn vốn các Quỹ đã liên tục được quay vòng, luân chuyển hỗ trợ và đầu tư cho nhiều đối tượng, công trình, dự án khác nhau. Cụ thể nguồn vốn của các Quỹ cho vay đầu năm 2015 là 112 tỷ đồng nhưng đến cuối năm 2020 là 233 tỷ đồng tăng 2,1 lần (chi tiết số liệu phụ lục đính kèm).

e. Nguồn vốn hỗ trợ từ NSNN được xem là vốn môi, lấy đó làm cơ sở để huy động thêm các nguồn vốn nhân rồi khác trong và ngoài nền kinh tế, tạo nguồn lực tài chính lớn, có tính chất ưu đãi để trợ giúp, đẩy mạnh hoạt động đầu tư đối với các tổ chức kinh tế vi mô. Tổng nguồn ngân sách hỗ trợ của giai đoạn

<sup>10</sup> Quỹ Đền ơn đáp nghĩa là 2.948 triệu đồng, Quỹ Việc làm dành riêng cho người tàn tật là 422 triệu đồng, Quỹ Bảo trợ trẻ em là 407 triệu đồng, Quỹ Vì người nghèo là 9.235 triệu đồng, Quỹ cứu trợ là 23.625 triệu đồng.

<sup>11</sup> Quỹ Phòng chống thiên tai giai đoạn 2015-2020 đã chi 19.089 triệu đồng, Quỹ khám chữa bệnh cho người nghèo là 26.511 triệu đồng, Quỹ cứu trợ là 12.417 triệu đồng, Quỹ Vì người nghèo là 9.617 triệu đồng, Quỹ Bảo trợ trẻ em là 897 triệu đồng, Quỹ Đền ơn đáp nghĩa là 2.503 triệu đồng.

2015-2020 cho các Quỹ là 292 tỷ đồng (bao gồm các vốn ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh, chi tiết số liệu theo phụ lục đính kèm).

g. Đa số các Quỹ đều có đầy đủ bộ máy quản lý, bao gồm: Hội đồng quản lý, Ban kiểm soát và Bộ máy quản lý Quỹ. Trong đó, Hội đồng quản lý và Ban kiểm soát được thành lập với nhân sự là các cán bộ, công chức được tuyển chọn ở các Sở, Ban, ngành có liên quan đến công tác quản lý hoạt động các Quỹ.

h. Các cơ quan thanh tra, kiểm toán đã kiểm tra tình hình hoạt động và tài chính của một vài Quỹ, qua đó chỉ ra nhiều ưu điểm cũng như tồn tại, hạn chế để các Quỹ chấn chỉnh hoạt động theo đúng quy định pháp luật, thu hồi kịp thời những khoản thu, chi sai quy định<sup>12</sup>.

## **2. Tồn tại, hạn chế**

a. Hệ thống pháp luật quy định về quản lý, sử dụng và hoạt động của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách khá phức tạp, mỗi Quỹ có tính chất khác nhau và được quy định tại nhiều văn bản quy phạm pháp luật nhưng thiếu thống nhất, chưa điều chỉnh, sửa đổi kịp thời; đặc biệt một số văn bản đã hết hiệu lực một phần nhưng chưa được cập nhật, bổ sung kịp thời nên dẫn đến chưa thống nhất trong việc triển khai thực hiện. Một số Quỹ do địa phương thành lập vẫn còn lúng túng trong tổ chức thực hiện, chờ văn bản hướng dẫn cấp trên hoặc đang nghiên cứu học tập mô hình của một số địa phương khác. Như:

- Đối tượng được hưởng chế độ hỗ trợ khám, chữa bệnh từ Quỹ khám chữa bệnh cho người nghèo theo khoản 1 Điều 1 Quyết định số 14/2012/QĐ-TTg ngày 01/3/2012 của Thủ tướng Chính phủ quy định là “*Đồng bào dân tộc thiểu số đang sinh sống ở xã, phường, thị trấn thuộc vùng khó khăn theo quy định tại Quyết định số 30/2007/QĐ-TTg ngày 05/3/2007 của Thủ tướng Chính phủ*”. Tuy nhiên, Quyết định số 30/2007/QĐ-TTg đã hết hiệu lực từ ngày 26/6/2014 nhưng đến nay Quyết định số 14/2012/QĐ-TTg vẫn chưa được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp. Đồng thời, tại khoản 3 Điều 3 Thông tư liên tịch số 33/2013/TTLT-BYT-BTC ngày 18/10/2013 của Bộ Y tế và Bộ Tài chính quy định “*Kinh phí quản lý Quỹ được bố trí trong dự toán chi sự nghiệp y tế hằng năm của Sở Y tế*” là trái với quy định tại khoản 2 Điều 12 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP của Chính phủ quy định “*Ngân sách nhà nước không hỗ trợ kinh phí hoạt động cho các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách*”, tuy nhiên đến nay Thông tư liên tịch số 33/2013/TTLT-BYT-BTC vẫn chưa sửa đổi cho phù hợp. Do đó, điều lệ hoạt động của Quỹ tại địa phương vẫn chưa được sửa đổi những nội dung trên theo đúng các quy định hiện hành. Ngoài ra, Quỹ khám chữa bệnh cho người nghèo tại địa phương không có nguồn huy động đóng góp, 100% là nguồn vốn do NSNN cấp dự toán hằng năm cấp cho Quỹ để Quỹ điều phối cho các Trung tâm y tế chi trực tiếp cho các đối tượng chính sách. Mặt khác, cơ chế kiểm soát việc chi hỗ trợ cho các đối tượng vùng khó khăn chưa chặt chẽ, không có tính chất bảo toàn và phát triển nguồn vốn. Vì vậy, hoạt động

<sup>12</sup> Kết luận thanh tra số 1815/KL-STC ngày 14/9/2017 của Sở Tài chính về công tác quản lý tài chính Quỹ cơ hội cho phụ nữ làm kinh tế tỉnh Đắk Nông; Kết luận số 372/KL-STC ngày 21/11/2019 của Sở Tài chính về công tác quản lý tài chính tại Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Đắk Nông; Kết luận số 128/KL-STC ngày 30/6/2020 của Sở Tài chính về công tác quản lý tài chính tại Hội Nông dân tỉnh Đắk Nông; Kết luận số 61/KL-TTr ngày 10/4/2020 của Thanh tra tỉnh về công tác quản lý, sử dụng thanh quyết toán nguồn tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng và công tác trồng rừng trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

của Quỹ không còn phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 12 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP của Chính phủ quy định<sup>13</sup>.

- Việc quản lý, sử dụng và hoạt động của Quỹ Phát triển đất được thực hiện theo quy định tại Quyết định số 40/2010/QĐ-TTg ngày 12/5/2010 của Thủ tướng Chính phủ, tuy nhiên các căn cứ pháp lý ban hành đã hết hiệu lực từ trước năm 2015 và một số nội dung đã không còn phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành nhưng mãi đến năm 2022 Bộ Tài chính mới có Công văn số 4507/BTC-QLCS ngày 19/5/2022 và Công văn số 8114/BTC-QLCS ngày 15/8/2022 hướng dẫn<sup>14</sup>. Đến nay, các cơ quan, đơn vị vẫn đang nghiên cứu triển khai thực hiện theo đúng các quy định hiện hành.

b. Tình trạng các quỹ tài chính nhà nước ngoài NSNN được thành lập với số lượng lớn, do nhiều cơ quan, đơn vị quản lý, ở nhiều cấp khác nhau và bộ máy tổ chức các quỹ đa số nhỏ lẻ, phân tán nên quản lý phức tạp; có quỹ hoạt động theo cơ chế tổ chức tài chính nhà nước như Quỹ Đầu tư phát triển<sup>15</sup>, có quỹ hoạt động theo mô hình đơn vị sự nghiệp công lập như Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng, có Quỹ trực thuộc cơ quan nhà nước quản lý như một số Quỹ thuộc Sở Lao động – Thương binh và Xã hội. Do đó, nhìn chung phương thức quản lý chưa thống nhất dẫn đến khó khăn trong áp dụng các quy định để quản lý và hoạt động. Phần lớn các quỹ có cơ cấu tổ chức gồm Hội đồng quản lý, Ban kiểm soát và cơ quan điều hành Quỹ và tốn kém nhiều kinh phí quản lý<sup>16</sup>; tuy nhiên vai trò quản lý, kiểm soát một số Quỹ chưa hiệu quả, chưa phát hiện ra các tồn tại, hạn chế để điều chỉnh, bổ sung kịp thời<sup>17</sup>.

c. Một số quỹ trên địa bàn tỉnh có vốn điều lệ thấp, quy mô nhỏ, một số quỹ hoạt động chủ yếu dựa vào nguồn vốn ngân sách cấp ban đầu và vốn điều lệ bổ sung hàng năm. Trong điều kiện ngân sách địa phương còn khó khăn nên việc bổ sung vốn điều lệ theo đúng lộ trình cho các Quỹ từ NSNN còn hạn chế.

<sup>13</sup> Căn cứ khả năng của ngân sách nhà nước, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách được cơ quan có thẩm quyền xem xét hỗ trợ vốn điều lệ từ ngân sách nhà nước khi đáp ứng đủ các điều kiện:

a) Được thành lập và hoạt động theo đúng quy định của pháp luật;

b) Có khả năng tài chính độc lập;

c) Có nguồn thu, nhiệm vụ chi không trùng với nguồn thu, nhiệm vụ chi của ngân sách nhà nước.

<sup>14</sup> Đề nghị UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương rà soát lại toàn bộ hoạt động của Quỹ phát triển đất (về nguồn vốn hoạt động của Quỹ, nhiệm vụ của Quỹ, việc hoàn trả vốn ứng cho Quỹ...), đảm bảo hoạt động của Quỹ phát triển đất tuân thủ quy định của pháp luật đất đai, pháp luật về ngân sách nhà nước hiện hành và pháp luật khác có liên quan nêu trên; trường hợp có nội dung quy định hoặc thực hiện chưa phù hợp với quy định của pháp luật thì phải điều chỉnh lại cho phù hợp, đồng thời xử lý kịp thời các hành vi vi phạm (nếu có), đảm bảo hoạt động của Quỹ phát triển đất hiệu quả, đúng pháp luật.

<sup>15</sup> - Theo quy định tại Nghị định số 37/2013/NĐ-CP thì Quỹ Đầu tư phát triển địa phương là tổ chức tài chính nhà nước địa phương, do UBND cấp tỉnh phê duyệt tổ chức bộ máy. Từ quy định này, mỗi địa phương vận dụng xác định địa vị pháp lý, vai trò, cũng như bộ máy tổ chức của quỹ một cách khác nhau, dẫn đến có sự khác biệt giữa các quỹ địa phương trong việc xác định địa vị và căn cứ pháp lý để triển khai các hoạt động của mình như: đánh giá hàng năm (theo Luật Công chức hay Luật Viên chức, hay Luật Lao động);

- Theo quy định tại Nghị định số 138/2007/NĐ-CP và Nghị định số 37/2013/NĐ-CP thì quỹ hoạt động theo mô hình ngân hàng chính sách xã hội, không vì mục tiêu lợi nhuận; cơ chế tiền lương, thưởng và xếp hạng doanh nghiệp thực hiện theo quy định áp dụng cho Công ty TNHH MTV do Nhà nước sở hữu 100% vốn. Giới hạn đầu tư và các nghiệp vụ cho vay tuân thủ như các tổ chức tín dụng. Tuy nhiên, hiện nay mô hình ngân hàng chính sách xã hội hầu như chưa có văn bản hướng dẫn hay hình mẫu cụ thể, dẫn đến mỗi địa phương áp dụng theo một cách khác nhau.

<sup>16</sup> Tổng chi lương, chi thường xuyên và các khoản chi quản lý khác của các Quỹ giai đoạn 2015-2020 là 67.411 triệu đồng.

<sup>17</sup> Nhiều hạn chế, bất cập trong các quy định tồn tại nhiều năm đã nêu tại mục B.I.2 ở trên nhưng chưa được các cơ quan quản lý Quỹ đề xuất, xử lý.

Ngoài một số ít Quỹ có nguồn thu hoạt động phát triển hàng năm<sup>18</sup>, còn lại các quỹ huy động nguồn lực từ bên ngoài ngân sách rất hạn chế, chưa đáp ứng được mong muốn, mục tiêu hoạt động đã đề ra. Cụ thể:

- Nhiều Quỹ có nguồn vốn hoạt động đến cuối năm 2020 quá ít như: Quỹ Phát triển tài năng trẻ tỉnh là 1.364 triệu đồng, Quỹ hỗ trợ thanh niên khởi nghiệp tỉnh là 1.007 triệu đồng, Quỹ quay vòng vốn vệ sinh hộ gia đình là 1.360 triệu đồng, Quỹ khám chữa bệnh cho người nghèo là 253 triệu đồng, Quỹ Vì người nghèo là 566 triệu đồng, Quỹ Bảo trợ trẻ em là 891 triệu đồng, Quỹ Việc làm dành riêng cho người tàn tật là 893 triệu đồng, Quỹ Đền ơn đáp nghĩa là 715 triệu đồng, Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã là 7.053 triệu đồng.

- Đến nay một số Quỹ có vốn điều lệ chưa đảm bảo quy định hiện hành về thành lập và hoạt động như: Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh vốn điều lệ là khoảng 44 tỷ đồng/100 tỷ đồng theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 147/2020/NĐ-CP của Chính phủ<sup>19</sup>, Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã vốn điều lệ khoảng 7 tỷ đồng/20 tỷ đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 45/2021/NĐ-CP của Chính phủ<sup>20</sup>, Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh vốn điều lệ khoảng 5,7 tỷ đồng/30 tỷ đồng theo quy định tại điểm a khoản 1, Điều 159 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ<sup>21</sup>, ...

- Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh hoạt động theo Nghị định số 138/2007/NĐ-CP của Chính phủ, trong đó cho phép Quỹ đầu tư phát triển địa phương được huy động vốn dưới các hình thức như phát hành trái phiếu Quỹ, vay vốn của các tổ chức tài chính, tín dụng trong và ngoài nước, việc vay vốn nước ngoài thực hiện theo quy định về vay nợ nước ngoài. Tuy nhiên, với đặc thù của Quỹ là tự thu tự chi và hỗ trợ đầu tư cho vay trung hạn, dài hạn với lãi suất ưu đãi thấp hơn thị trường, trong trường hợp Quỹ huy động với lãi suất cao thì hoạt động của Quỹ không hiệu quả.

d. Nguồn thu từ việc vận động của phần lớn các quỹ có tính chất từ thiện, xã hội còn nhiều hạn chế, số tiền huy động ít<sup>22</sup>; việc huy động nguồn lực chủ yếu tập trung vào từng đợt, tháng cao điểm trong năm nên kết quả huy động nguồn lực còn thấp, không đạt kế hoạch đặt ra (như: Quỹ Phòng chống thiên tai

<sup>18</sup> như Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh, Quỹ Bảo vệ môi trường và Phát triển đất tỉnh.

<sup>19</sup> Điều kiện thành lập mới Quỹ đầu tư phát triển địa phương được quy định như sau:

(1) Có vốn điều lệ thực có tại thời điểm thành lập không thấp hơn 300 tỷ đồng.

(2) Có đề án thành lập Quỹ đầu tư phát triển địa phương được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thông qua.

(3) Có dự thảo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương phù hợp với quy định tại Điều 8 Nghị định này.

<sup>20</sup> Điều kiện thành lập mới Quỹ hợp tác xã địa phương, bao gồm:

a) Có Đề án thành lập Quỹ hợp tác xã địa phương được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quy định tại Nghị định này. Đề án phải bao gồm các nội dung cơ bản quy định tại khoản 3 Điều này;

b) Có vốn điều lệ tối thiểu tại thời điểm thành lập Quỹ hợp tác xã là 20 tỷ đồng;

c) Có Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ hợp tác xã địa phương đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quy định tại Nghị định này, phù hợp với quy định tại Điều 19 Nghị định này.

<sup>21</sup> Vốn điều lệ tối thiểu của Quỹ là 30 tỷ đồng. Đối với các quỹ đang hoạt động có mức vốn điều lệ thấp hơn 30 tỷ đồng, phải có lộ trình tăng vốn điều lệ trong thời hạn không quá 05 năm, kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành. Vốn điều lệ của Quỹ được hình thành từ các nguồn sau: Vốn điều lệ đã được ngân sách nhà nước cấp và quỹ đầu tư phát triển trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành; bổ sung từ quỹ đầu tư phát triển; ngân sách nhà nước cấp từ nguồn đầu tư công theo quy định của pháp luật. Việc thay đổi vốn điều lệ của quỹ bảo vệ môi trường cấp tỉnh do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định.

<sup>22</sup> như Quỹ Đền ơn đáp nghĩa là 2.948 triệu đồng, Quỹ Việc làm dành riêng cho người tàn tật là 422 triệu đồng, Quỹ Bảo trợ trẻ em là 407 triệu đồng,...

cả giai đoạn 2015-2020 chỉ thu được 22.445/43.788 triệu đồng đạt khoảng 51%; điều lệ Quỹ Phòng chống thiên tai chưa quy định các tiêu chí làm cơ sở để hỗ trợ kinh phí phòng chống thiên tai cho các huyện, thành phố nhằm đảm bảo khách quan, công khai, minh bạch; chưa theo dõi quyết toán việc cấp kinh phí cho các công trình khắc phục hậu quả thiên tai và một số nội dung chi cho các công trình không đúng mục tiêu phòng chống thiên tai); thậm chí có một số Quỹ không huy động được nguồn vốn (như Quỹ hỗ trợ thanh niên khởi nghiệp, Quỹ quay vòng vốn vệ sinh hộ gia đình, Quỹ Phát triển tài năng trẻ, Quỹ khám chữa bệnh cho người nghèo, Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã,...). Điều này thể hiện năng lực bộ máy quản lý quỹ còn nhiều hạn chế, trông chờ vào ngân sách nhà nước cấp vốn để hoạt động.

e. Một số quỹ hoạt động chưa hiệu quả, chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ đặt ra, tỷ lệ nợ xấu còn cao. Mục tiêu, nguồn thu, nhiệm vụ chi quỹ với NSNN của nhiều quỹ còn chồng chéo, trùng lặp. Mặt khác, việc hình thành quá nhiều quỹ tài chính ngoài NSNN đã gây phân tán nguồn lực xã hội. Cụ thể:

- Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh tỷ lệ nợ xấu quá cao đến cuối năm 2020 là 72%, đủ các điều kiện giải thể theo quy định tại Điều 43 Nghị định số 147/2020/NĐ-CP của Chính phủ<sup>23</sup>.

- Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã được cấp vốn nhưng hằng năm ủy thác qua Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh và Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh để thực hiện cho vay các đối tượng chính sách. Việc sử dụng phí ủy thác để chi cho hoạt động thể hiện bộ máy quản lý Quỹ chưa thật sự hiệu quả, chưa thể hiện hết vai trò và mục tiêu đặt ra; trong khi Quỹ Hỗ trợ nông dân hoạt động khá hiệu quả, cho vay đến từng hộ dân nhưng lại thiếu vốn để hoạt động. Đồng thời, đối tượng cho vay của Quỹ Hỗ trợ nông dân cũng có các tổ hội nông dân nghề nghiệp, tổ hợp tác, hợp tác xã ... cơ bản gần giống như đối tượng cho vay của Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã và Quỹ Cơ hội cho phụ nữ làm kinh tế tỉnh cũng cho vay một số hộ phụ nữ làm nông nghiệp.

- Quỹ Cơ hội cho phụ nữ làm kinh tế theo cơ quan tài chính thanh tra đánh giá lãi suất cho vay khá cao so với các tổ chức tín dụng ưu đãi trên địa bàn, nguồn vốn cuối năm tồn ở ngân hàng lớn (bao gồm cả tài khoản tiết kiệm ngắn hạn và dài hạn cuối năm 2020 còn tồn ở các ngân hàng thương mại là 15,7 tỷ đồng/42,4 tỷ đồng, chiếm khoảng 37%), tỷ lệ nợ xấu cao (năm 2020 xóa nợ 03 trường hợp với số tiền là 52,5 triệu đồng, khoanh nợ 21 trường hợp với số tiền là 384 triệu đồng) và quy trình xóa nợ chưa chặt chẽ vì cơ quan tài chính không thẩm định như một số quỹ khác.

- Quỹ quay vòng vốn vệ sinh hộ gia đình chỉ có 1.360 triệu đồng nên đã

<sup>23</sup> Quỹ đầu tư phát triển địa phương bị giải thể khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

1. Quỹ đã thành lập và hoạt động nhưng sau thời hạn 03 năm kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành vốn điều lệ thực có thấp hơn 300 tỷ đồng.
2. Quỹ bị đánh giá không hoàn thành nhiệm vụ và có tỷ lệ giá trị dư nợ cho vay và đầu tư (không bao gồm các khoản nhận ủy thác cho vay) trên vốn chủ sở hữu thấp hơn 20% trong 05 năm liên tiếp.
3. Tỷ lệ nợ xấu trên tổng dư nợ cho vay cao hơn 50% hoặc tỷ lệ các khoản nợ phải thu khó đòi trên tổng số vốn đầu tư phát triển địa phương trong 05 năm liên tiếp.
4. Các trường hợp Quỹ hoạt động không hiệu quả hoặc không cần thiết phải duy trì Quỹ theo đánh giá của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.



ủy thác vào Quỹ Cơ hội cho phụ nữ làm kinh tế tỉnh để thực hiện cho vay các đối tượng chính sách. Do đó, Hội đồng quản lý, Ban kiểm soát và bộ máy Quỹ gần như rất ít hoạt động.

- Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh chủ yếu chi trả lãi tiền ký quỹ phải trả cho các đơn vị khai thác khoáng sản và chi thường xuyên chưa thực hiện chi nhiều cho các hoạt động chính bảo vệ môi trường như mục tiêu đặt ra. Đồng thời, trong quy chế hoạt động chưa quy định cụ thể việc sử dụng số tiền chênh lệch lãi suất tiền ký quỹ để chi hoạt động theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 và các văn bản hướng dẫn hiện hành<sup>24</sup>.

- Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh hằng năm chi rất lớn cho công tác bảo vệ và phát triển rừng nhưng tình hình phá rừng vẫn diễn biến phức tạp và tỷ lệ che phủ rừng vẫn giảm so với giai đoạn trước (cũng do nhiều nguyên nhân khác ảnh hưởng), đồng thời nhiều sai sót đã được chỉ ra trong Kết luận số 61/KL-TTtr ngày 10/4/2020 của Thanh tra tỉnh về công tác quản lý, sử dụng thanh quyết toán nguồn tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng và công tác trồng rừng trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

- Mặc dù nguyên tắc tự bảo toàn vốn được đặt ra khi quyết định thành lập, nhưng một số Quỹ không bảo toàn được vốn như: Quỹ khám chữa bệnh cho người nghèo hằng năm ngân sách cấp bổ sung nguồn để khám chữa bệnh và chi trả hết cho các đối tượng nên không thể bảo toàn và phát triển nguồn vốn theo khoản 2 Điều 3 Quyết định số 139/2002/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ quy định<sup>25</sup>. Một số quỹ có tính chất an sinh xã hội chi trực tiếp cho các đối tượng chính sách và không huy động thêm nên cũng không thể bảo toàn nguồn ngân sách cấp, thậm chí hằng năm ngân sách phải bổ sung và hoạt động cầm chừng, ít hiệu quả.

g. Công tác lập dự toán, quyết toán và công khai tài chính của các Quỹ chưa được chú trọng và thực hiện chưa đầy đủ theo các quy định tại khoản 7 Điều 11 Thông tư 342/2016/TT-BTC, khoản 11 Điều 10 Thông tư 91/2016/TT-BTC<sup>26</sup>, điểm 1 khoản 3 Điều 6 và tại điểm d khoản 2 Điều 7 Nghị định số 31/2017/NĐ-CP<sup>27</sup>; tuy nhiên, các cơ quan, đơn vị chưa thực hiện đầy đủ các quy định trên và báo cáo quyết toán NSNN từ năm 2017 đến năm 2019 của địa phương cũng thiếu các nội dung này. Ngoài ra, đa số các Quỹ chưa thực hiện công khai đầy đủ theo khoản 5 Điều 15 Luật Phòng chống tham nhũng năm 2015 và Khoản 1 Mục II Thông tư 19/2005/TT-BTC quy định<sup>28</sup>.

<sup>24</sup> Tiền ký quỹ được hưởng lãi suất bằng lãi suất cho vay của quỹ bảo vệ môi trường nơi ký quỹ và được tính từ thời điểm ký quỹ. Tổ chức, cá nhân chỉ được rút tiền lãi một lần sau khi có giấy xác nhận hoàn thành toàn bộ nội dung phương án hoặc phương án bổ sung.

<sup>25</sup> Quỹ khám, chữa bệnh cho người nghèo là quỹ của Nhà nước, hoạt động theo nguyên tắc không vì lợi nhuận, bảo toàn và phát triển nguồn vốn.

<sup>26</sup> quy định hằng năm các cơ quan, đơn vị ở địa phương báo cáo tình hình thu - chi tài chính và dự kiến kế hoạch thu - chi tài chính năm tiếp theo của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại Khoản 11, Điều 8 Luật NSNN năm 2015

<sup>27</sup> Lập báo cáo phân bổ ngân sách địa phương phải bao gồm “Báo cáo tình hình thực hiện, dự kiến kế hoạch tài chính năm sau của một số quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách chủ yếu do địa phương quản lý” và nội dung báo cáo quyết toán ngân sách địa phương phải bao gồm “Báo cáo tình hình thực hiện các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách của địa phương, kèm theo thuyết minh đánh giá kết quả, hiệu quả thực hiện nhiệm vụ của quỹ”

<sup>28</sup> Quỹ có nguồn từ ngân sách nhà nước phải công khai các nội dung sau đây:

a) Quy chế hoạt động và cơ chế tài chính của quỹ;

h. Công tác thanh tra, kiểm tra và kiểm soát chưa thường xuyên và còn thiếu chặt chẽ. Do các Quỹ tài chính ngoài ngân sách không áp dụng cơ chế kiểm soát chi của hệ thống Kho bạc Nhà nước nên “*tự kiểm soát*” chỉ tiêu và vai trò của Ban Kiểm soát các Quỹ còn nhiều hạn chế. Vì vậy, một số quỹ có chi sai đối tượng, nợ xấu tăng cao, vi phạm chế độ chi tiêu, sử dụng kinh phí sai mục đích... gây ra những ảnh hưởng tiêu cực đến kinh tế - xã hội và công tác tuyên truyền vận động các nguồn đóng góp (đã được chỉ ra trong 04 kết luận thanh tra đã nêu trên). Mặt khác, mặc dù số lượng hơn 20 quỹ trong giai đoạn 2015-2020 nhiều nhưng chỉ có 04 cuộc thanh tra của các cơ quan thanh tra.

#### **4. Một số nguyên nhân**

##### **a. Khách quan**

- Các quỹ tài chính ngoài NSNN được thành lập theo quy định của nhiều hình thức văn bản quy phạm pháp luật cấp trên; hệ thống pháp luật về quản lý, sử dụng các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách khá phức tạp, không đồng bộ và nhiều văn bản hướng dẫn không ban hành kịp thời nên khó khăn trong công tác quản lý và hoạt động của các Quỹ.

- Một số quỹ có bộ máy nhân sự chủ yếu là hoạt động kiêm nhiệm, ít nhiều ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động và quản lý quỹ. Ngoài ra, đa số bộ máy quản lý và các hợp đồng lao động tại các Quỹ không phải là biên chế sự nghiệp nên tư tưởng không yên tâm công tác, một số chế độ thiết thòi, hạn chế và trong trường hợp các Quỹ bị giải thể cũng không điều chuyển được qua các cơ quan, đơn vị sự nghiệp khác.

- Ngân sách địa phương nhiều khó khăn nên việc hỗ trợ vốn điều lệ ban đầu cũng như bổ sung vốn điều lệ hằng năm chưa đầy đủ và kịp thời theo quy định nên các Quỹ hạn chế lớn về nguồn vốn hoạt động.

- Trụ sở làm việc và trang thiết bị nhiều Quỹ chưa có hoặc hạn chế nên cũng ảnh hưởng đến chất lượng hoạt động của các Quỹ.

##### **b. Chủ quan**

- Công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến về hoạt động của một số quỹ đến các đối tượng thụ hưởng chưa được chú trọng, còn nhiều hạn chế, dẫn đến kết quả hoạt động của một số Quỹ tài chính chưa đạt hiệu quả đề ra.

- Một số quỹ chưa thực hiện hết các chức năng, nhiệm vụ theo quy định để khai thác tốt nguồn thu của quỹ; chưa tranh thủ, huy động các nguồn lực ngoài xã hội đầu tư vào quỹ để phục vụ tốt hơn chức năng, nhiệm vụ của quỹ.

- Năng lực bộ máy quản lý và ban kiểm soát các Quỹ còn nhiều hạn chế; đặc biệt, công tác tuyển dụng lao động cho các Quỹ chưa được kiểm soát, đa số là tự tuyển dụng nên chất lượng nguồn nhân lực còn thấp dẫn đến hoạt động nhiều yếu kém.

- Việc thành lập quá nhiều Quỹ dẫn đến phân tán nguồn lực, mục tiêu và

---

b) Kế hoạch tài chính hằng năm, trong đó chi tiết các khoản thu, chi có quan hệ với ngân sách nhà nước theo quy định của cấp có thẩm quyền;

c) Kết quả hoạt động của quỹ;

d) Quyết toán năm được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

đối tượng chính sách chông chéo, thậm chí làm tăng gánh nặng bộ máy quản lý và tổn kém nhiều đến nguồn vốn hoạt động của các Quỹ.

- Việc thực hiện các quy định của pháp luật chưa nghiêm, dẫn đến việc nhiều quy định ban hành nhưng không triển khai hoặc chậm trễ sửa đổi nhưng vẫn hoạt động. Các quy định về quyền hạn Hội đồng quản lý và Ban kiểm soát quỹ chưa đi đôi với chế độ trách nhiệm, chưa có chế tài cụ thể xử lý các sai phạm, kể cả người đứng đầu trong các cơ quan, đơn vị có sai phạm.

- Sự lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện một số Quỹ chưa chặt chẽ, sâu sát; chưa phát huy được sức mạnh giám sát của các tổ chức chính trị xã hội và nhân dân đối với hoạt động của các Quỹ.

- Công tác quản lý nhà nước của một số Sở, ngành còn hạn chế, chưa chú trọng rà soát, kiểm tra thường xuyên hoạt động các Quỹ và chưa cập nhật kịp thời để chấn chỉnh hoạt động một số Quỹ đảm bảo phù hợp các quy định hiện hành.

## **C. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT**

### **1. Đối với UBND tỉnh**

#### **a. Kiến nghị đối với Trung ương**

- Kiến nghị Chính phủ sớm triển khai thực hiện các nội dung tại Nghị quyết 792/NQ-UBTVQH14 năm 2019 về nhiệm vụ và giải pháp đẩy mạnh việc thực hiện chính sách pháp luật về quản lý, sử dụng các Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách nhà nước do Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành và chỉ đạo các Bộ, ngành hướng dẫn địa phương thực hiện các nội dung theo Báo cáo số 463/BC-ĐGS ngày 22/10/2019 của Đoàn giám sát của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về “*Thực hiện chính sách, pháp luật về quản lý, sử dụng các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách nhà nước giai đoạn 2013 - 2018*”.

- Kiến nghị Bộ Tài chính, Bộ Y tế, Bộ Tư pháp, Bộ Tài nguyên và Môi trường rà soát, sớm xử lý các nội dung bất cập, chông chéo và hết hiệu lực của các văn bản đã nêu trên như đối với Quỹ Phát triển đất, Quỹ khám chữa bệnh cho người nghèo...

#### **b. Chỉ đạo Sở, Ban, ngành có liên quan**

- Tăng cường công tác quản lý đối với các Quỹ theo Chỉ thị số 22/CT-TTg ngày 27/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo. Khẩn trương rà soát, kiểm tra các quỹ tài chính ngoài ngân sách trên địa bàn để đánh giá hiệu quả thực sự của các Quỹ và sửa đổi, bổ sung kịp thời quy chế, điều lệ hoạt động của các Quỹ cho phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành. Đồng thời, kiểm tra làm rõ trách nhiệm của các Hội đồng quản lý và Ban kiểm soát ở một số quỹ yếu kém.

- Khẩn trương tham mưu sắp xếp, sáp nhập bộ máy một số quỹ và giải thể một số quỹ chưa hiệu quả để tập trung nguồn vốn cho các Quỹ hoạt động có hiệu quả và đảm bảo bảo toàn nguồn vốn, phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động, như:

+ *Nghiên cứu sáp nhập hoặc giải thể Quỹ Đầu tư phát triển vì hoạt động*

*kém hiệu quả, nợ xấu quá lớn và đủ các điều kiện giải thể theo quy định;*

*+ Sáp nhập Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã vào Quỹ Hỗ trợ nông dân vì nguồn vốn điều lệ Quỹ hợp tác xã chưa đủ theo quy định và để tập trung nguồn vốn nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động;*

*+ Tách Quỹ Bảo vệ môi trường và Phát triển đất vì nguồn thu và nhiệm vụ chi khác nhau, đồng thời nghiên cứu chuyển Quỹ Phát triển đất về Sở chuyên ngành quản lý để tinh gọn bộ máy, tiết kiệm ngân sách và tránh chồng chéo chức năng, nhiệm vụ hoặc sáp nhập với Quỹ Đầu tư phát triển quản lý vốn trong trường hợp tái cơ cấu lại bộ máy quỹ (Quỹ Phát triển đất chủ yếu cho ứng vốn để giải phóng mặt bằng không thu phí nên kinh phí duy trì bộ máy hoạt động hạn chế, trong khi Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 quy định không được cấp kinh phí hoạt động cho các Quỹ tài chính ngoài ngân sách);*

*+ Giải thể bộ máy Quỹ quay vòng vốn vệ sinh hộ gia đình do không hoạt động và chuyển nguồn vốn qua Quỹ Cơ hội cho phụ nữ làm kinh tế tinh để thực hiện chính sách quay vòng vốn vệ sinh hộ gia đình;*

*+ Giải thể Quỹ Việc làm dành riêng cho người tàn tật vì không còn phù hợp với quy định pháp luật hiện hành;*

*+ Nghiên cứu giải thể bộ máy Quỹ khám chữa bệnh cho người nghèo và cấp dự toán trực tiếp cho Sở Y tế thực hiện để tinh gọn bộ máy và đảm bảo việc kiểm soát chi các chế độ, chính sách chặt chẽ, đúng quy định;*

*+ Nghiên cứu sáp nhập bộ máy các quỹ có tính chất an sinh xã hội và một số quỹ có mức vốn điều lệ quá ít để tinh gọn bộ máy quản lý, tiết kiệm ngân sách, tập trung một đầu mối vận động và đảm bảo nguồn vốn đến được các đối tượng chính sách thật sự hiệu quả như một số địa phương đã thực hiện.*

*- Rà soát, căn cứ vào nhu cầu, khả năng ngân sách của địa phương để thành lập các Quỹ, tránh việc thành lập quá nhiều Quỹ nhưng không đảm bảo nguồn vốn điều lệ dẫn đến hoạt động của một số Quỹ kém hiệu quả;*

*- Xây dựng đề án vị trí việc làm và phương án tự chủ cho các Quỹ, từ đó ban hành các quy định về việc tuyển dụng nguồn nhân lực chất lượng cho các Quỹ để đảm bảo công tác quản lý và hoạt động tại các Quỹ được hiệu quả, tránh việc tuyển dụng tràn lan và tốn kém kinh phí quản lý.*

*- Các cơ quan thanh tra, kiểm tra tăng cường kiểm tra hoạt động của các Quỹ vì giai đoạn 2015-2020 mới chỉ thanh tra 04/20 quỹ là khá ít.*

*- Bổ sung báo cáo đánh giá đầy đủ do một số Quỹ còn thiếu chưa báo cáo và kiểm tra, hoàn thiện số liệu như đã nêu ở phần trên, có biện pháp xử lý dứt điểm những hạn chế, tồn tại đã được báo cáo giám sát đã chỉ ra và báo cáo kết quả thực hiện về Thường trực HĐND tỉnh biết, theo dõi.*

## **2. Đối với các Sở, Ban, ngành có liên quan và các Quỹ tài chính ngoài ngân sách**

*- Kiểm tra, rà soát hệ thống các văn bản có liên quan đến nay còn bất cập, chồng chéo để kiến nghị các cấp có thẩm quyền xem xét, xử lý kịp thời.*

*- Có giải pháp để nâng cao hiệu quả hoạt động của các quỹ tiến tới các*

quỹ có khả năng tự cân đối, hạn chế tài trợ từ NSNN. Nghiên cứu đề xuất giải thể, sáp nhập các quỹ không có khả năng tài chính độc lập, hoạt động trông chờ vào ngân sách nhà nước cấp, gây lãng phí nguồn lực.

- Tăng cường thanh tra, kiểm tra hoạt động về việc chấp hành pháp luật của các quỹ tài chính ngoài ngân sách, đảm bảo nguồn lực tài chính nhà nước được quản lý, sử dụng hiệu quả, công khai, minh bạch.

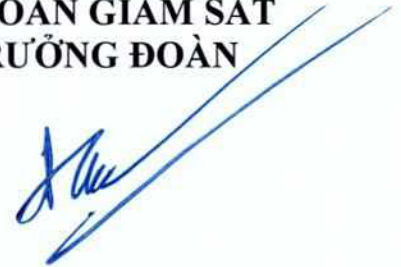
- Thực hiện nghiêm việc xây dựng dự toán, kế hoạch tài chính, chế độ báo cáo quyết toán, báo cáo tài chính, kiểm toán hằng năm; đặc biệt thực hiện công khai đầy đủ theo quy định và chú ý công khai các khoản thu, chi nguồn huy động đóng góp để nhân dân được biết, theo dõi, kiểm tra.

Trên đây là báo cáo kết quả giám sát việc chấp hành chính sách, pháp luật các Quỹ tài chính ngoài ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2015-2020 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh./.

**Nơi nhận:**

- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Lãnh đạo Đoàn ĐBQH tỉnh (báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh (báo cáo);
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Lãnh đạo các Ban HĐND tỉnh;
- Các Ủy viên Ban KT-NS HĐND tỉnh;
- Các Sở: Nội vụ, Tài chính, Thanh tra, Tài nguyên – Môi trường, Lao động Thương binh và Xã hội, Y tế, Nông nghiệp và PTNT;
- UBMTTQ tỉnh và 05 tổ chức CT-XH cấp tỉnh;
- Các Quỹ tài chính ngoài NSNN;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Lãnh đạo các phòng chuyên môn;
- Lưu VT, CTHĐND (vh).

**TM. ĐOÀN GIÁM SÁT  
TRƯỞNG ĐOÀN**



**Nguyễn Đình Đạo**

**TỔNG HỢP CÁC QUỸ TÀI CHÍNH NGOÀI NGÂN SÁCH  
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIAI ĐOẠN 2015-2020**

(Kèm theo Báo cáo số 88 /BC-HĐND ngày 04 /11/2022 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh)

(ĐVT: Triệu đồng)

STT	Tên Quỹ	Giai đoạn 2015-2020			
		Dư nguồn đầu năm	Phát sinh tăng trong năm	Phát sinh giảm trong năm	Dư nguồn cuối năm
<b>A</b>	<b>B</b>				
	<b>Tổng cộng</b>	<b>160.886</b>	<b>1.060.982</b>	<b>647.103</b>	<b>574.765</b>
1	Quỹ Bảo vệ môi trường và Phát triển đất	0	246.412	7.530	238.882
2	Quỹ Hỗ trợ nông dân	10.650	30.160	14.130	26.680
3	Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng	34.789	499.756	462.365	72.180
4	Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã	1.000	6.058	5	7.053
5	Quỹ Đền ơn đáp nghĩa	394	2.847	2.526	715
6	Quỹ Việc làm dành riêng cho người tàn tật	468	425	0	893
7	Quỹ Bảo trợ trẻ em	849	979	938	891
8	Quỹ Vì người nghèo	948	9.235	9.617	566
9	Quỹ cứu trợ	3.385	23.625	12.417	14.593
10	Quỹ khám chữa bệnh cho người nghèo	0	34.186	33.933	253
11	Quỹ Cơ hội cho phụ nữ làm kinh tế tỉnh	27.981	14.462	52	42.391
12	Quỹ quay vòng vốn vệ sinh hộ gia đình	0	1.360	0	1.360
13	Quỹ Phòng chống thiên tai	0	22.445	19.089	3.356
14	Quỹ hỗ trợ thanh niên khởi nghiệp	0	1.007	0	1.007
15	Nguồn vốn ủy thác qua Ngân hàng CSXH tỉnh cho vay xóa đói giảm nghèo	50.059	59.944	0	110.003
16	Quỹ Đầu tư phát triển	22.491	103.437	81.794	44.134
17	Quỹ Khuyến học tỉnh	7.372	3.689	2.616	8.445
18	Quỹ Phát triển tài năng trẻ tỉnh Đắk Nông	500	956	92	1.364

**TỔNG HỢP CÁC KHOẢN THU CỦA CÁC QUỸ TÀI CHÍNH NGOÀI  
NGÂN SÁCH TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIAI ĐOẠN 2015-2020**

(Kèm theo Báo cáo số 88/BC-HĐND ngày 04/11/2022 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh)

(ĐVT: Triệu đồng)

STT	Tên Quỹ	Giai đoạn 2015-2020				
		Tổng thu	NSNN hỗ trợ hằng năm	Các khoản đóng góp/phải nộp	Thu phí/hoa hồng, tiền lãi cho vay/gửi	Thu khác (nếu có liệt kê và ghi chú thêm)
	<b>Tổng cộng</b>	<b>980.235</b>	<b>291.805</b>	<b>531.854</b>	<b>116.674</b>	<b>93.566</b>
<b>1</b>	<b>Quỹ Bảo vệ môi trường và Phát triển đất</b>	179.250	163.362	-	-	15.888
Trong đó	Số Dự toán/Kế hoạch	14.567	356	-	-	14.211
	Số Quyết toán/Thực hiện	179.250	163.362	-	-	15.888
<b>2</b>	<b>Quỹ Hỗ trợ nông dân</b>	39.521	10.000	-	9.361	20.160
Trong đó	Số Dự toán/Kế hoạch	39.700	-	-	-	-
	Số Quyết toán/Thực hiện	39.521	10.000	-	9.361	20.160
<b>3</b>	<b>Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng</b>	530.974	-	528.077	2.897	-
Trong đó	Số Dự toán/Kế hoạch	461.033	-	461.033	-	-
	Số Quyết toán/Thực hiện	530.974	-	528.077	2.897	-
<b>4</b>	<b>Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã</b>	7.119	6.000	-	1.119	-
Trong đó	Số Dự toán/Kế hoạch	7.160	6.000	-	1.160	-
	Số Quyết toán/Thực hiện	7.119	6.000	-	1.119	-
<b>5</b>	<b>Quỹ Đền ơn đáp nghĩa</b>	2.948	-	2.948	-	-
Trong đó	Số Dự toán/Kế hoạch	-	-	-	-	-
	Số Quyết toán/Thực hiện	2.948	-	2.948	-	-
<b>6</b>	<b>Quỹ Việc làm dành riêng cho người tàn tật</b>	425	-	422	3	-
Trong đó	Số Dự toán/Kế hoạch	-	-	-	-	-
	Số Quyết toán/Thực hiện	425	-	422	3	-
<b>7</b>	<b>Quỹ Bảo trợ trẻ em</b>	951	-	407	272	272
Trong đó	Số Dự toán/Kế hoạch	-	-	-	-	-
	Số Quyết toán/Thực hiện	951	-	407	272	272
<b>8</b>	<b>Quỹ Vì người nghèo</b>	9.235	-	-	-	9.235
Trong đó	Số Dự toán/Kế hoạch	-	-	-	-	-
	Số Quyết toán/Thực hiện	9.235	-	-	-	9.235
<b>9</b>	<b>Quỹ cứu trợ</b>	23.625	-	-	-	23.625
Trong đó	Số Dự toán/Kế hoạch	-	-	-	-	-
	Số Quyết toán/Thực hiện	23.625	-	-	-	23.625
<b>10</b>	<b>Quỹ khám chữa bệnh cho người nghèo</b>	34.186	33.933	-	253	-
Trong đó	Số Dự toán/Kế hoạch	33.933	33.933	-	-	-
	Số Quyết toán/Thực hiện	34.186	33.933	-	253	-
<b>11</b>	<b>Quỹ Cơ hội cho phụ nữ làm kinh tế tỉnh</b>	23.522	-	-	23.522	-
Trong đó	Số Dự toán/Kế hoạch	19.061	-	-	19.061	-
	Số Quyết toán/Thực hiện	23.522	-	-	23.522	-
<b>12</b>	<b>Quỹ quay vòng vốn vệ sinh hộ gia đình</b>	1.478	1.360	-	118	-
Trong đó	Số Dự toán/Kế hoạch	39	-	-	39	-
	Số Quyết toán/Thực hiện	1.478	1.360	-	118	-

STT	Tên Quỹ	Giai đoạn 2015-2020				
		Tổng thu	NSNN hỗ trợ hằng năm	Các khoản đóng góp/phải nộp	Thu phí/hoa hồng, tiền lãi cho vay/gửi	Thu khác (nếu có liệt kê và ghi chú thêm)
<b>13</b>	<b>Quỹ Phòng chống thiên tai</b>	22.445	-	-	-	22.445
Trong đó	Số Dự toán/Kế hoạch	43.788	-	-	-	43.788
	Số Quyết toán/Thực hiện	22.445	-	-	-	22.445
<b>14</b>	<b>Quỹ hỗ trợ thanh niên khởi nghiệp</b>	1.007	1.000	-	7	-
Trong đó	Số Dự toán/Kế hoạch	-	-	-	-	-
	Số Quyết toán/Thực hiện	1.007	1.000	-	7	-
<b>15</b>	<b>Nguồn vốn ủy thác qua Ngân hàng CSXH tỉnh cho vay xóa đói giảm nghèo</b>	36.213	53.650	-	36.227	-
Trong đó	Số Dự toán/Kế hoạch	53.650	53.650	-	-	-
	Số Quyết toán/Thực hiện	36.213	53.650	-	36.227	-
<b>16</b>	<b>Quỹ Đầu tư phát triển</b>	63.199	22.500	-	39.631	1.068
Trong đó	Số Dự toán/Kế hoạch	53.750	10.000	-	43.750	-
	Số Quyết toán/Thực hiện	63.199	22.500	-	39.631	1.068
<b>17</b>	<b>Quỹ Khuyến học tỉnh</b>	3.689	-	-	2.950	739
Trong đó	Số Dự toán/Kế hoạch	3.689	-	-	2.950	739
	Số Quyết toán/Thực hiện	3.689	-	-	2.950	739
<b>18</b>	<b>Quỹ Phát triển tài năng trẻ tỉnh Đắk Nông</b>	960	500	-	326	134
Trong đó	Số Dự toán/Kế hoạch	956	500	-	322	134
	Số Quyết toán/Thực hiện	960	500	-	326	134



**TỔNG HỢP CÁC KHOẢN CHI CỦA CÁC QUỸ TÀI CHÍNH NGOÀI NGÂN SÁCH  
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIAI ĐOẠN 2015-2020**

(Kèm theo Báo cáo số 88/BC-HĐND ngày 04/11/2022 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh)

(ĐVT: Triệu đồng)

STT	Tên Quỹ	Giai đoạn 2015-2020				
		Tổng chi	Chi lương, thưởng và các khoản đóng góp	Các khoản chi thường xuyên khác	Chi phí quản lý/ phí ủy thác/ hoa hồng...	Chi khác (nếu có liệt kê và ghi chú thêm)
	<b>Tổng cộng</b>	<b>734.145</b>	<b>36.321</b>	<b>31.090</b>	<b>558.228</b>	<b>108.505</b>
<b>1</b>	<b>Quỹ Bảo vệ môi trường và Phát triển đất</b>	11.253	2.540	1.829	6.884	0
Trong đó	Số Dự toán/Kế hoạch	11.188	1.777	2.142	7.189	80
	Số Quyết toán/Thực hiện	11.253	2.540	1.829	6.884	0
<b>2</b>	<b>Quỹ Hỗ trợ nông dân</b>	23.330	25	436	6.130	16.739
Trong đó	Số Dự toán/Kế hoạch	23.600	0	0	0	0
	Số Quyết toán/Thực hiện	23.330	25	436	6.130	16.739
<b>3</b>	<b>Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng</b>	515.194	15.707	17.915	462.345	19.227
Trong đó	Số Dự toán/Kế hoạch	423.980	17.628	20.501	377.877	7.973
	Số Quyết toán/Thực hiện	515.194	15.707	17.915	462.345	19.227
<b>4</b>	<b>Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã</b>	906	210	168	528	0
Trong đó	Số Dự toán/Kế hoạch	1.051	241	245	565	0
	Số Quyết toán/Thực hiện	906	210	168	528	0
<b>5</b>	<b>Quỹ Đền ơn đáp nghĩa</b>	2.516	0	0	13	2.503
Trong đó	Số Dự toán/Kế hoạch	0	0	0	0	0
	Số Quyết toán/Thực hiện	2.516	0	0	13	2.503
<b>6</b>	<b>Quỹ Việc làm dành cho người tàn tật</b>	0	0	0	0	0
Trong đó	Số Dự toán/Kế hoạch	0	0	0	0	0
	Số Quyết toán/Thực hiện	0	0	0	0	0
<b>7</b>	<b>Quỹ Bảo trợ trẻ em</b>	938	0	0	40	897
Trong đó	Số Dự toán/Kế hoạch	0	0	0	0	0
	Số Quyết toán/Thực hiện	938	0	0	40	897
<b>8</b>	<b>Quỹ Vì người nghèo</b>	9.617	0	0	0	9.617
Trong đó	Số Dự toán/Kế hoạch	0	0	0	0	0
	Số Quyết toán/Thực hiện	9.617	0	0	0	9.617
<b>9</b>	<b>Quỹ cứu trợ</b>	12.417	0	0	0	12.417
Trong đó	Số Dự toán/Kế hoạch	0	0	0	0	0
	Số Quyết toán/Thực hiện	12.417	0	0	0	12.417
<b>10</b>	<b>Quỹ khám chữa bệnh cho người nghèo</b>	32.840	0	0	6.329	26.511
Trong đó	Số Dự toán/Kế hoạch	33.933	0	0	7.000	26.933

STT	Tên Quỹ	Giai đoạn 2015-2020				
		Tổng chi	Chi lương, thưởng và các khoản đóng góp	Các khoản chi thường xuyên khác	Chi phí quản lý/ phí ủy thác/ hoa hồng...	Chi khác (nếu có liệt kê và ghi chú thêm)
đó	Số Quyết toán/Thực hiện	32.840	0	0	6.329	26.511
<b>11</b>	<b>Quỹ Cơ hội cho phụ nữ làm kinh tế tỉnh</b>	21.405	9.013	6.790	5.602	0
Trong đó	Số Dự toán/Kế hoạch	17.672	8.419	4.938	4.315	0
đó	Số Quyết toán/Thực hiện	21.405	9.013	6.790	5.602	0
<b>12</b>	<b>Quỹ quay vòng vốn vệ sinh hộ gia đình</b>	0	0	0	0	0
Trong đó	Số Dự toán/Kế hoạch	0	0	0	0	0
đó	Số Quyết toán/Thực hiện	0	0	0	0	0
<b>13</b>	<b>Quỹ Phòng chống thiên tai</b>	19.089	0	0	0	19.089
Trong đó	Số Dự toán/Kế hoạch	0	0	0	0	0
đó	Số Quyết toán/Thực hiện	19.089	0	0	0	19.089
<b>14</b>	<b>Quỹ hỗ trợ thanh niên khởi nghiệp</b>	0	0	0	0	0
Trong đó	Số Dự toán/Kế hoạch	0	0	0	0	0
đó	Số Quyết toán/Thực hiện	0	0	0	0	0
<b>15</b>	<b>Nguồn vốn ủy thác qua Ngân hàng CSXH tỉnh cho vay xóa đói giảm nghèo</b>	36.213	0	0	36.213	0
Trong đó	Số Dự toán/Kế hoạch	0	0	0	0	0
đó	Số Quyết toán/Thực hiện	36.213	0	0	36.213	0
<b>16</b>	<b>Quỹ Đầu tư phát triển</b>	45.719	8.826	1.830	33.898	1.165
Trong đó	Số Dự toán/Kế hoạch	34.726	10.556	2.036	20.824	1.310
đó	Số Quyết toán/Thực hiện	45.719	8.826	1.830	33.898	1.165
<b>17</b>	<b>Quỹ Khuyến học tỉnh</b>	2.616	0	2.122	247	248
Trong đó	Số Dự toán/Kế hoạch	2.616	0	2.122	247	248
đó	Số Quyết toán/Thực hiện	2.616	0	2.122	247	248
<b>18</b>	<b>Quỹ Phát triển tài năng trẻ tỉnh Đắk Nông</b>	92	0	0	0	92
Trong đó	Số Dự toán/Kế hoạch	92	0	0	0	92
đó	Số Quyết toán/Thực hiện	92	0	0	0	92